

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN

(Thực hiện 4 tuần từ ngày 07/10/2024 - 01/11/2024)

I. MỤC TIÊU CHỦ ĐỀ

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
a) Phát triển vận động						
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	` Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Co và duỗi tay ` Cúi về phía trước.	` Bắt chéo 2 tay trước ngực. ` Co duỗi chân.	* Hoạt động học: ` Bài tập phát triển chung ` Hô hấp: Gà gáy ` Tay: + Co và duỗi tay + Bắt chéo 2 tay trước ngực ` Lưng, bụng: + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. ` Chân: Ngồi xổm, đứng lên nhún chân. ` Tập thể dục sáng theo nhạc bài: Tay thơm tay ngoan * Hoạt động chơi ` Chim bay, cò bay, ` Con thỏ, lá và gió ` Tập thể dục theo nhạc bài : Mừng sinh nhật, tay thơm, tay ngoan * Nhảy dân vũ : Bống bống bang bang	
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	` Quay sang trái, sang phải ` Nghiêng người sang trái, sang phải. ` Ngồi xổm, đứng lên; ` Bật tại chỗ	` Nhún chân.		
3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. chân bước sang phải, sang trái.		
7	3	Trẻ có thể kiểm soát được vận	` Đổi thay đổi tốc độ theo hiệu		* Hoạt động học: Thể dục	

		động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	lệnh.		` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - TC: Bịt mắt đá bóng	
8	4	Trẻ có thể kiểm soát được vận động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.				
9	5	Trẻ biết kiểm soát được vận động: ` Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.				
10	3	Trẻ có thể phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).	Tung bóng lên cao và bắt	Tung bắt bóng với cô	* Hoạt động học: Thể dục ` Tung bắt bóng với cô (3t) ` Tung bóng lên cao và bắt (4t) ` Tung bắt bóng tại chỗ (5t) TC: Bắt chước tạo dáng	
11	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bóng lên cao và bắt				
12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Tung bắt bóng tại chỗ		Tung bắt bóng tại chỗ		
13	3	Trẻ biết thể	* 3,4 T:		* Hoạt động học:	

		hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Bò chui qua cổng.	` Bò chui qua cổng. * 4,5 T: ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m.)		Thể dục ` Bò chui qua cổng.(3t) ` Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m (4t) ` Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6 m (5t) TC: Cò bắt ếch	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:				
15	5	` Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: 1,5 x 0,6 m				
16	3	Trẻ thực hiện được các vận động: ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau		` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. ` Đan, tết.	* Hoạt động chơi: + Chơi ngoài trời: xếp hình khối, vẽ hình người (Bạn trai, bạn gái...) + HĐG: Góc nghệ thuật trẻ chơi với đất nặn, Sử dụng kéo, bút, Vẽ (nguyệt ngoạc; hình người), xé giấy vụn, tô màu tranh.nặn đồ chơi	
17	4	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay.	`.	Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vẽ, véo, vuột, miết, ấn bàn tay, ngón tay,		

				gắn, nối.... ` Gập giấy		
18	5	Trẻ biết thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. ` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.		Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. ` Bẻ, nắn		
19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. ` Vẽ được hình tròn theo mẫu. ` Xếp chồng 8-10 khối không đổ.	Tô Cài, cời cúc ` Vẽ (nguyệt ngoạc)	` Xếp chồng các hình khối khác nhau ` Sử dụng bút.	* HĐ lao động: ` Hướng dẫn trẻ tự cài quai dép, ba lô, cời cúc áo, buộc dây giày ` Thực hành: Cài quai dép, cài, cời cúc áo, buộc dây giày * HĐ chơi: - Giờ chơi góc	
20	4	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình người, nhà, cây. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. ` Biết tết sợi đôi.	* 3,4,5T: ` Tô ` Cài, cời cúc * 3, 4T: ` Vẽ (nguyệt ngoạc; hình) * 4,5 T ` Cắt đường (thẳng; vòng cung) ` Xâu, buộc dây	` Xếp chồng các hình khối khác nhau ` Sử dụng bút.	` Góc NT: Dạy trẻ cắt theo đường thẳng, cắt theo đường viền hình vẽ. ` Góc XD: Xếp chồng các hình khối, lắp ghép hình, xây ngôi nhà, hàng rào, đường đi, bếp ăn.... ` Góc học tập: Thực hành: Tô, đồ các chữ cái theo nét in mờ...	
		Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay,		` Lắp ghép hình		

21	5	ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu				
----	---	---	--	--	--	--

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

22	3	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) <i>(một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, cá rán, rau sắn, rau bí, rau dớn, măng....)</i> .	* Hoạt động học: DDSK - Nhận biết phân loại 4 nhóm thực phẩm *Hoạt động chơi ` <b>Giờ đón trả trẻ:</b> Cô trò chuyện về bốn nhóm thực phẩm lợi ích của thực phẩm đối với cơ thể. Nhận biết một số (Rau, củ, quả gần gũi) thực phẩm, đặc trưng của dân tộc H'Mông. ` Góc PV: Bán hàng, nấu ăn. ` Trò chơi mới: Đi siêu thị mua sắm , búp bê nói <b>- Giờ chơi góc</b> ` Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng... ` Góc học tập: Xem tranh ảnh các món ăn, thực phẩm quen thuộc. - Xem video trò	
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin.			
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... ` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...			

28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày <i>tại trường, gia đình: Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối, bữa phụ</i> và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</p> <p>` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		chuyện với trẻ về các loại thực phẩm, món ăn trong giờ trả trẻ. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: ` Giờ ăn: Cô giới thiệu và hướng dẫn trẻ kể tên 1 số món ăn quen thuộc, cách chế biến. <b>DTV:</b> Canh rau, cơm, thịt đậu. ` Cô giáo dục trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất đủ lượng cho cơ thể, cách ăn uống hợp lý không kén chọn thức ăn. ` Trong giờ đón trả trẻ cô cho trẻ xem video và trò chuyện với trẻ tác hại của ăn uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì.
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
30	5	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.			
31	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện tạo tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng.	` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ vệ sinh ` Dạy trẻ rửa tay bằng xà phòng, lau mặt...trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh. ` Dạy trẻ xin cô khi có nhu cầu đi vệ sinh, ăn hết cơm. ` Dạy trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.
32	4	Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:	* 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy		

		` Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	định		Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. Thực hành: ` Rửa tay bằng xà phòng, lau mặt... ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
33	5	Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản: ` Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn		Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.		
34	3	` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	` Tập/ luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: ` Dạy trẻ mời cô, mời bạn trước khi ăn. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách, không làm rơi vãi thức ăn. Ăn chín uống sôi, không đùa nghịch làm đổ vãi thức ăn... DTV: Cái bát, cái thìa, cái cốc. - Thực hành: Cầm bát, cầm thìa, cốc đúng cách khi ăn, uống.	
35	4	` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.				
36	5	` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo				
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe theo phong tục văn hóa của địa phương.		* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn ` Dạy trẻ mời cô, mời bạn trước khi ăn, không làm rơi vãi thức ăn. Ăn chín uống sôi, ăn từ tốn	
		Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:				

38	4	` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.			nhai kỹ, không đùa nghịch làm đổ vãi thức ăn... DTV : Con mời cô ăn cơm. Tôi mời các bạn ăn cơm. ` Thực hành: Mời cô, mời bạn, ăn chín uống sôi, không đùa nghịch khi ăn.	
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.			* Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ ` Cô trò cho trẻ xem tranh ảnh, video và trò chuyện với trẻ về một số hành vi tốt trong ăn uống	
40	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	* 3, 4, 5 tuổi: ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T)	` Nhận biết trang phục theo thời tiết.	* Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ ` Cô cho trẻ xem tranh ảnh, video một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: Đội mũ, mặc áo ấm, đi tất, đi dép... DTV : Đi dép, mặc áo, đội mũ. * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh. - Giờ vệ sinh: Dạy trẻ: Vệ sinh răng miệng.	
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, đi dép, giày khi đi	* 4-5 tuổi: ` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. (Cách mặc trang phục Mông...) ` Ích lợi của mặc		` Thực hành: Đánh răng. <b>* Hoạt động lao động:</b> ` Dạy trẻ đội mũ khi ra nắng, đi dép, giày. ` Thực hành: Đội mũ, đi dép.	

		học.	trang phục phù hợp với thời tiết.			
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</p> <p>` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.				
43	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, dao...) khi được nhắc nhở	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	* Hoạt động chơi - Giờ đón trả trẻ: cho trẻ xem tranh ảnh, video nhận biết về các vật dụng nguy hiểm đến tính mạng, trò chuyện với trẻ giáo dục trẻ tránh xa những vật nguy hiểm cho bản thân. ` Góc PV: Chơi nấu ăn.</p> <p>` Thực hành: Sử dụng các vật dụng bếp, phích nước.		
44	4	Trẻ nhận ra bếp đang đun, phích nước nóng, dao...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.				
45	5	Trẻ biết bếp lửa đang đun, phích nước nóng, dao... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy				

		hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.			
52	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người ngã chảy máu.	` Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ Kỹ năng bảo vệ vùng nhạy cảm của bé trai, bé gái	* Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: cô cho trẻ xem tranh ảnh, video nhận biết những trường hợp nguy hiểm và cách thoát khỏi nguy hiểm và trò chuyện với trẻ. ` Thực hành: Kỹ năng sống: bảo vệ vùng nhạy cảm của bé trai, bé gái	
53	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. ` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn ngã chảy máu...			

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a, Khám phá khoa học

57	3	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	` Chức năng các giác quan và một số bộ phận/các bộ phận khác của cơ thể. (thính giác: tai, thị giác: mắt, khứu giác: mũi, vị giác: lưỡi, xúc		* Hoạt động học: KPKH ` Trải nghiệm về các bộ phận, chức năng các giác quan của cơ thể bé (5E) * Hoạt động chơi: - Chơi ngoài trời: sử dụng giác quan để nhìn, sờ, ngửi...cây,	
62	4	Trẻ biết phối	giác: lưỡi, xúc			

		hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	giác: bề mặt da)		hoa, rau... ` Góc thư viện: Cho trẻ xem sách, lô tô về các bộ phận cơ thể. - Trò chơi: Nhóm các đồ vật theo giác quan, tay đẹp, mắt mồm tai... - Giờ đón trả trẻ: Cho trẻ xem tranh ảnh, video về các giác quan và một số bộ phận của cơ thể và trò chuyện với trẻ. DTV: giác quan, bộ phận cơ thể.	
67	5	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng khám phá sự vật hiện tượng xung quanh				

b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

93		Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 2	` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. ` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	* Hoạt động học: Toán ` Tách, gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 2. (3,4t) ` Tách, gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 6. (5t) * Hoạt động chơi: ` Trò chơi: Kết bạn, tìm đúng nhà, tìm bạn ` Chơi góc: góc phân	
94	3	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành hai nhóm.			
		Trẻ biết gộp hai			

95	4	nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2, đếm và nói kết quả.		vai, góc học tập...tách gộp đồ dùng, đồ chơi góc. ` Chơi ngoài trời: Tách gộp đá, sỏi , hạt ngô, nắp chai...	
96		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			
97	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và đếm.	Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		
98		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			
113	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân		
114	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).		
115	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.	` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái) (với một vật nào đó làm chuẩn 5T)		

				với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. (5t) * Hoạt động chơi ` Trò chơi: Mổ làng, gió thổi, giấu tay, tay phải tay trái.	
--	--	--	--	--	--

c, Khám phá xã hội

120	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính dân tộc, cảm xúc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Tên/họ tên, tuổi, giới tính dân tộc, cảm xúc quyền con người của bản thân.	* Hoạt động học: KPXH Bé vui hay buồn (Lồng ghép quyền con người) * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: ` Cô chuyện với trẻ về tên, tuổi ngày sinh, giới tính, dân tộc, đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân ` Thực hành: Cho trẻ giới thiệu về bản thân trẻ. ` Trò chơi: “Nhận đúng tên mình, búp bê nói”	
121	4	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc, cảm xúc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, cảm xúc đặc điểm bên ngoài, sở thích, quyền con người của bản thân		
122	5	Trẻ nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính, dân tộc, cảm xúc của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, dân tộc, cảm xúc đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và quyền con người vị trí của trẻ trong gia đình		

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

148	3	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; giác quan, bộ phận cơ thể, thực phẩm.	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa	* Hoạt động học: DTV: Dạy từ: đôi mắt, cái lưỡi, đôi tay, đôi tai, đánh răng, rửa mặt, bạn trai, bạn gái, giác quan * Hoạt động học: Văn học - Trẻ nói được các từ trong bài thơ “đau”: sống soài, trước sau,	
149	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: giác quan, bộ phận cơ thể, thực phẩm.			
150	5	Trẻ hiểu nghĩa			

		từ khái quát: giác quan, bộ phận cơ thể, thực phẩm.		suýt xoa... - Trẻ nói được từ trong câu chuyện “Mỗi người một việc”: Đôi mắt, đôi tai, cái chân, cái tay, cái miệng, nghe, nhìn.... * Hoạt động chơi: - Giờ đón, trả trẻ: Cô cho trẻ xem hình ảnh, tranh, video đặt câu hỏi để trẻ trả lời về các bộ phận cơ thể, giác quan, thực phẩm * Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh: - Giờ ăn: Cô cho trẻ kể về các nhóm thực phẩm, các món ăn.	
160	3	Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng (3t) câu đơn mở rộng (4t) <i>Bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ (tiếng Mông)</i>	* Hoạt động học: DTV Dạy từ: đôi mắt, cái lưỡi, đôi tay, đôi tai, đánh răng, rửa mặt, bạn trai, bạn gái, giác quan Dạy câu: Đôi mắt để nhìn, cái lưỡi để nếm vị thức ăn... + Thực hành: Đặt câu hỏi đôi mắt để làm gì?... - Trẻ khởi sự cuộc trò chuyện. Bày	
161	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định			
		Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh			

162	5	lệnh... - Khởi sướng cuộc trò chuyện.	sở tiếng mẹ đẻ (tiếng Mông)	tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, câu ghép, câu phức...như: Con xin cô đi vệ sinh, Con xin cô bát cơm....	
166	3	Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao,	` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi (Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc của địa phương qua góc thư viện)	* Hoạt động học: Văn học - Bài thơ: đau, cái lưỡi - Truyện: Mỗi người một việc - Đồng dao: Tay đẹp - Tục ngữ: Tay làm hàm nhai. Tay quai miệng trề. - Câu đố về một số bộ phận, giác quan trên cơ thể như: Cái miệng, đôi mắt, cái chân, cái tay... - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video...có sử dụng các từ chỉ các giác quan của cơ thể người. * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ giúp trẻ có thể kể lại truyện mà trẻ đã được nghe. - Kể chuyện theo tranh ở góc thư viện: Mỗi người một việc...	
167	4	đồng dao...			
168	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ	` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. (Nghe những câu truyện của dân tộc, địa phương trẻ qua góc thư viện.) bằng tiếng việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ		
169		Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..	` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè trong góc thư viện.		
170	3	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe. (trong góc thư viện)		
171	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại truyện đã được nghe. (trong góc thư viện)		
172	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự)		
c. Làm quen với đọc viết					

193	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	* Hoạt động học: LQCV: `Làm quen chữ cái: a, ă, â, e, ê `Tập tô: a, ă, â * Hoạt động chơi: - Góc học tập: `Tập tô, tập đồ các nét chữ, nhận dạng một số chữ cái trong vở tập tô. Dạy trẻ cách dờ sách đúng chiều... Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Xem tranh ảnh về chủ đề bản thân. - Góc NT: Tô vẽ các nét đơn giản tạo thành bức tranh về chủ đề bản thân. - Góc phân vai: Khám bệnh, kê đơn thuốc, bán hàng viết hóa đơn bán hàng... `Chơi ngoài trời: Chơi xếp hạt, vẽ, viết chữ cái.
194	4	Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; đơn thuốc, hóa đơn bán hàng.	`Tập tô, tập đồ các nét chữ a, ă, â Nhận dạng một số chữ cái a, e.	
195	5	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ a, ă, â sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. `Nhận dạng các chữ cái a, ă, â, e, ê.	
196		Trẻ nhận dạng các chữ cái a, ă, â, e, ê trong bảng chữ cái tiếng việt		

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội

197	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính, dân tộc, quyền con người	* Hoạt động học: PTTC `Tôi và bạn bè (Tích hợp quyền con người) * Hoạt động chơi: - Giờ đón trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về tên tuổi, giới tính, dân tộc, sở thích của	
198	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, dân tộc của bản thân.			
199	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới	Thực hiện thông qua nội dung khám phá xã hội (lĩnh vực PT		

		tính, dân tộc của bản thân. - Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.	nhận thức)	bản thân: Con thích ăn món gì? Con thích chơi đồ chơi gì? Con không thích điều gì? Con biết con là dân tộc nào? Con có thể	
200	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	Những điều bé thích, không thích. quyền con người	làm được việc gì giúp cô nào? Cô hướng dẫn trẻ trả lời và nói được điều bé thích hoặc không thích.	
201	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	Sở thích, khả năng của bản thân.	` Thực hành: Bé giới thiệu về bản thân trẻ giới tính...sở thích của trẻ. Chơi ở các góc, chơi ngoài trời: Trẻ biết tự chọn đồ chơi, nhóm chơi mà trẻ thích.	
202	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được. - Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	Sở thích, khả năng quyền con người của bản thân.	+ Con thích những gì? + Điều gì mà con không thích ` Trò chơi: Tìm bạn, nhận đúng tên mình	
203		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống khác nhau của mình với người khác		
212	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói/tranh ảnh, âm nhạc	* Hoạt động chơi - Giờ đón trả trẻ: cô cho trẻ xem hình ảnh các khuôn mặt cảm xúc và trò chuyện với trẻ.	

213	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.			` Dạy trẻ nhận biết được giọng điệu nét mặt cử chỉ của cô giáo với việc được làm hoặc không được làm</li> <li>` Dạy trẻ chơi cùng các bạn, quan tâm chia sẻ với các bạn cùng chơi qua giờ chơi góc, chơi ngoài trời... ` Thể hiện cảm xúc và kiềm chế cảm xúc khi chơi.</li> <li>` Chia sẻ kinh nghiệm chơi với bạn, không tranh giành đồ dùng đồ chơi của bạn, dạy trẻ chơi đoàn kết	
214	5	Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.			` Thực hành: Cho trẻ thể hiện cảm xúc và chọn mặt cảm xúc theo yêu cầu.</li> <li>` Trò chơi: Tôi vui tôi buồn, Vì sao bé buồn?	
215	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.		` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.		
216	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		
217	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.		Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác		

				nhau		
230	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).		* Hoạt động chơi: ` Cô trò chuyện, xem tranh ảnh, video trong giờ đón trả trẻ về cử chỉ, lời nói lễ phép	
231	4					
232	5	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)		` Thực hành: Dạy trẻ chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi	
233	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói			* Hoạt động chơi:	
234	4		` Lắng nghe khi cô, bạn nói		- Đón trả trẻ: Cô trò chuyện, xem tranh ảnh, video về việc chú ý nghe cô và các bạn nói.	
235	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	` Lắng nghe ý kiến của người khác		` Cô dạy trẻ biết chú ý nghe người khác nói trong các hoạt động.	
239	3	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.			* Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh:	
240	4	Trẻ biết chờ đến lượt.	Chờ đến lượt, hợp tác		` Giờ vệ sinh: Dạy trẻ chờ đến lượt trong giờ xếp hàng rửa tay.	
241	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		Dạy trẻ chờ đến lượt trong giờ đi vệ sinh. ` Giờ ăn: Dạy trẻ trong giờ ăn hết cơm xin cô và chờ đến lượt. * Hoạt động chơi: - Giờ chơi ở các góc, chơi ngoài trời: Dạy trẻ hợp tác với nhau chơi đoàn kết không tranh đồ chơi, nhường nhịn em bé, chia sẻ đồ chơi....	

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

258	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	` Nghe các bài hát, bản nhạc/nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca dân tộc thái)		* Hoạt động học: Âm nhạc. ` Cho trẻ nghe các bài hát: Dạy đi thôi, tay thơm tay ngoan ` Nghe hát dân ca: Xòe hoa * Hoạt động chơi: ` Góc nghệ thuật: Hát các bài hát về chủ đề : Bản thân ` Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát, giọng hát to giọng hát nhỏ	
259	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.				
260	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe nhạc dân ca của các dân tộc (dân ca Thái, dân ca Xá ,....)		
261	3	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.				
262	4					

		Trẻ hát đúng giai điệu , lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	` 3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát (Hát các bài hát bằng tiếng mẹ đẻ) ` 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát		* Hoạt động học: Âm nhạc ` DH: Bạn có biết tên tôi ` VDMH: Mời bạn ăn * Hoạt động chơi: ` Góc nghệ thuật: Hát và vận động các bài hát về chủ đề: Bản thân ` Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát, Giọng hát to, giọng hát nhỏ
263	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu , lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
264	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	` Vận động đơn giản/nhịp nhàng theo nhịp điệu/giai điệu của các bài hát, bản nhạc. ` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp/tiết tấu	Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	
265	4	Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình			

		thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).				
266	5	Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).				
270	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh vẽ tô màu bàn tay đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra bức tranh vẽ tô màu bàn tay đơn giản.	* Hoạt động học: Tạo hình ` Vẽ và tô màu bàn tay</p> <p><b>* Hoạt động chơi</b> ` Góc nghệ thuật: Vẽ các giác quan và các bộ phận trên cơ thể, in hình bàn tay... ` GXD: Chơi với que tính, nan tre, khối, hạt hạt, nút nhựa, nắp trai, cây, hoa, để xếp: ngôi nhà, vườn rau, cửa hàng, khu chợ...</p> <p>` Chơi ngoài trời: chơi với que tính, nan tre, khối, hạt hạt, nút		
271	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh vẽ tô màu bàn tay có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ tạo ra bức tranh vẽ tô màu bàn tay có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét			
272	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh vẽ tô màu	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra bức tranh vẽ tô màu bàn tay có màu sắc, kích thước,			

		bàn tay có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	hình dáng, đường nét và bố cục	nhựa, nắp chai để xếp: Hình người và các bộ phận trên cơ thể như : Đầu, tay, chân, mắt, miệng...	
273	3	Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc đơn giản.	Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc đơn giản.	* Hoạt động học: Tạo hình ` Cắt dán các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc	
274	4	Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	Sử dụng các kỹ năng cắt xé dán tạo ra các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét	* Hoạt động chơi: ` Góc NT: Cắt dán một số khuôn mặt cảm xúc, in hình bàn tay và cắt dán...</p> <p>` Góc học tập: Cắt dán hình 4 nhóm thực phẩm dán làm sách.	
275	5	Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra các khuôn mặt biểu lộ cảm xúc có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục	` Chơi ngoài trời: Sử dụng và phối hợp các nguyên vật liệu thiên nhiên: Rơm, lá cây, hạt hạt...	
285	3	Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen	Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	* Hoạt động chơi: ` Góc nghệ thuật: Hát và vận động theo ý thích các bài hát về	

		thuộc.		chủ đề bản thân .	
286	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc chủ đề bản thân	Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. ` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	` Trò chơi âm nhạc: Giọng hát to giọng hát nhỏ, đoán tên bạn hát	
287		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.			
288	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).		
289		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.			

II. CHUẨN BỊ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh về chủ đề bản thân. Tranh thơ, giấy vẽ, bút, giấy màu. Hồ dán, đất nặn, kéo.
- Sưu tầm quần, áo, giày, dép, túi sách cũ các loại khác nhau nhưng còn đẹp. Hạt, hạt các loại và đảm bảo an toàn. - Bộ đồ chơi xây dựng. - Búp bê.
- Các loại vật liệu có sẵn: Rơm rạ, lá, len, bông, râu ngô.....

- Tranh ảnh, đồ dùng, đồ chơi chủ đề bản thân: xoong, nồi, chảo, thìa bát, đũa, cốc chén...cho trẻ chơi giờ hoạt động góc

III. MỞ CHỦ ĐỀ

- Cô cùng trẻ treo tranh ảnh về chủ đề bản thân, trang trí lớp theo chủ đề

- Trò chuyện đàm thoại với trẻ về chủ đề bản thân: Tên, tuổi, giới tính, dân tộc, sở thích, các giác quan trên cơ thể và chức năng của các giác quan đó. Giới thiệu một số món ăn, bốn nhóm thực phẩm cung cấp chất dinh dưỡng.

- Cùng trẻ khám phá một số trò chơi, bài hát, câu truyện liên quan đến chủ đề.

- Tuyên truyền tới phụ huynh thu lượm các đồ phế liệu để làm đồ dùng đồ chơi chủ đề bản thân.

HIỆU TRƯỞNG

(Duyệt)

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Phạm Bích Nguyệt

Ngô Thị Huệ